

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2018-2019
Khoa: Động Lực

S TT	LỚP	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Cao đẳng														
Ngành: Công nghệ Ô Tô														
1	16CĐ-Ô1	46		0	0,00	0	0,00	4	8,70	42	91,30	0	0,00	
2	16CĐ-Ô2	44		0	0,00	0	0,00	2	4,55	40	90,91	2	4,55	
3	16CĐ-Ô3	43	1	1	2,33	1	2,33	10	23,26	31	72,09	0	0,00	
4	16CĐ-Ô4	46		1	2,17	5	10,87	12	26,09	28	60,87	0	0,00	
5	16CĐ-Ô5	43		0	0,00	0	0,00	2	4,65	41	95,35	0	0,00	
6	16CĐ-Ô6	43		0	0,00	0	0,00	0	0,00	43	100,00	0	0,00	
7	16CĐ-Ô7	44		0	0,00	0	0,00	6	13,64	36	81,82	2	4,55	
8	16CĐ-Ô8	41		0	0,00	0	0,00	3	7,32	38	92,68	0	0,00	
9	16CĐ-Ô9	39		0	0,00	1	2,56	1	2,56	37	94,87	0	0,00	
10	16CĐ-Ô10	44		0	0,00	0	0,00	4	9,09	40	90,91	0	0,00	
11	17C1-CNÔ1	48		2	4,17	2	4,17	11	22,92	33	68,75	0	0,00	
12	17C1-CNÔ2	44		1	2,27	1	2,27	5	11,36	36	81,82	1	2,27	
13	17C1-CNÔ3	47		1	2,13	9	19,15	18	38,30	18	38,30	1	2,13	
14	17C1-CNÔ4	43	1	0	0,00	1	2,33	6	13,95	36	83,72	0	0,00	
15	17C1-CNÔ5	38		0	0,00	0	0,00	6	15,79	31	81,58	1	2,63	
16	17C1-CNÔ6	39		0	0,00	1	2,56	7	17,95	31	79,49	0	0,00	
17	17C1-CNÔ7	45	4	0	0,00	1	2,22	4	8,89	37	82,22	3	6,67	
18	17C1-CNÔ8	37		0	0,00	2	5,41	5	13,51	30	81,08	0	0,00	
19	17C1-CNÔ9	39		2	5,13	1	2,56	4	10,26	31	79,49	1	2,56	
20	17C1-CNÔ10	39		0	0,00	1	2,56	4	10,26	34	87,18	0	0,00	
21	17C1-CNÔ11	37		0	0,00	1	2,70	2	5,41	33	89,19	1	2,70	

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
22	17C1-CNÔ12	43		0	0,00	3	6,98	1	2,33	39	90,70	0	0,00	
23	17C1-CNÔ13	39	1	1	2,56	1	2,56	6	15,38	30	76,92	1	2,56	
24	17C1-CNÔ14	35		0	0,00	4	11,43	5	14,29	26	74,29	0	0,00	
25	18C1-CNÔ1	42		0	0,00	1	2,38	7	16,67	33	78,57	1	2,38	
26	18C1-CNÔ2	43		0	0,00	1	2,33	4	9,30	38	88,37	0	0,00	
27	18C1-CNÔ3	43		0	0,00	1	2,33	6	13,95	36	83,72	0	0,00	
28	18C1-CNÔ4	48		0	0,00	1	2,08	3	6,25	36	75,00	8	16,67	
29	18C1-CNÔ5	46	1	0	0,00	1	2,17	2	4,35	41	89,13	2	4,35	
30	18C1-CNÔ6	43		2	4,65	4	9,30	8	18,60	29	67,44	0	0,00	
31	18C1-CNÔ7	44		0	0,00	0	0,00	4	9,09	38	86,36	2	4,55	
32	18C1-CNÔ8	48		0	0,00	1	2,08	1	2,08	46	95,83	0	0,00	
33	18C1-CNÔ9	46		0	0,00	2	4,35	5	10,87	38	82,61	1	2,17	
34	18C1-CNÔ10	47		0	0,00	1	2,13	5	10,64	39	82,98	2	4,26	
35	18C1-CNÔ11	44		0	0,00	0	0,00	2	4,55	41	93,18	1	2,27	
36	18C1-CNÔ12	46		0	0,00	1	2,17	2	4,35	42	91,30	1	2,17	
37	18C1-CNÔ13	48		0	0,00	0	0,00	5	10,42	42	87,50	1	2,08	
38	18C1-CNÔ14	44	1	0	0,00	0	0,00	0	0,00	38	86,36	6	13,64	
39	18C1-CNÔ15	40		0	0,00	0	0,00	4	10,00	33	82,50	3	7,50	
40	18C1-CNÔ16	45		0	0,00	4	8,89	9	20,00	32	71,11	0	0,00	
41	18C1-CNÔ17	44		1	2,27	0	0,00	6	13,64	37	84,09	0	0,00	
42	18C1-CNÔ18	40		0	0,00	1	2,50	7	17,50	30	75,00	2	5,00	
43	18C1-CNÔ19	36	1	0	0,00	1	2,78	5	13,89	23	63,89	7	19,44	
44	18C2-CNÔ1	42		0	0,00	0	0,00	11	26,19	29	69,05	2	4,76	
45	16CĐN-Ô1	40		0	0,00	0	0,00	10	25,00	30	75,00	0	0,00	
CỘNG 45 Lớp		1925	10	12	0,62	55	2,86	234	12,16	1572	81,66	52	2,70	
Trung cấp														
Ngành: Bảo trì và Sửa chữa Ô Tô														
1	16TC-Ô1	29		0	0,00	0	0,00	5	17,24	23	79,31	1	3,45	
CỘNG 01 Lớp		29	0	0	0,00	0	0,00	5	17,24	23	79,31	1	3,45	

S TT	LỚP	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Công nghệ Ô Tô														
1	16TCN-Ô1	47		1	2,13	0	0,00	3	6,38	41	87,23	2	4,26	
2	18T2-CNÔ1	46	2	0	0,00	1	2,17	6	13,04	39	84,78	0	0,00	
3	17T4-CNÔ1	30		0	0,00	0	0,00	0	0,00	19	63,33	11	36,67	
4	17T4-CNÔ2	36		0	0,00	0	0,00	1	2,78	29	80,56	6	16,67	
5	17T4-CNÔ3	38		0	0,00	0	0,00	1	2,63	36	94,74	1	2,63	
6	17T4-CNÔ4	24		0	0,00	0	0,00	1	4,17	15	62,50	8	33,33	
7	18T4-CNÔ1	39	1	0	0,00	1	2,56	1	2,56	32	82,05	5	12,82	
8	18T4-CNÔ2	46		0	0,00	0	0,00	1	2,17	39	84,78	6	13,04	
9	18T4-CNÔ3	35		0	0,00	0	0,00	1	2,86	32	91,43	2	5,71	
10	18T4-CNÔ4	47		0	0,00	0	0,00	5	10,64	40	85,11	2	4,26	
11	18T4-CNÔ5	46		0	0,00	0	0,00	1	2,17	33	71,74	12	26,09	
12	18T4-CNÔ6	28		0	0,00	0	0,00	3	10,71	23	82,14	2	7,14	
CỘNG 12 Lớp		462	3	1	0,22	2	0,43	24	5,19	378	81,82	57	12,34	
TỔNG CỘNG (58 LỚP)		2416	13	13	0,54	57	2,36	263	10,89	1973	81,66	110	4,55	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV



Lê Xuân Thiện



Đinh Hồng Minh

